

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày: 21 - 7 - 2025

*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố

2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh ngày 01/11/1993

CCCD: 052193022735, cấp ngày 20/6/2023.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 02/7/1998 (CCCD: 052198001930, cấp ngày 14/4/2023) và ông Trần Quang H, sinh ngày 10/8/1991 (CCCD: 052091015816, cấp ngày 27/12/2021).

Cùng địa chỉ: Khu phố D, phường B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày như sau:

Từ ngày 22/11/2024 đến ngày 14/01/2025 bà P bán gà và thịt bò cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 1.134.080.000 đồng. Ngày 14/01/2025 bà L có viết

một biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà P. Thời gian qua, bà L có trả cho bà P thêm một số tiền và dư nợ còn lại đến hiện tại là số tiền 1.027.000.000 đồng. Ngoài ra, bà P đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng bà L không trả tiền cho bà P. Nay, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và chồng là ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P một lần số tiền 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn) và bà P không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

- Theo bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như sau:

Bà L thừa nhận có làm ăn và đến ngày 14/01/2025 bà còn nợ của bà Trần Thị P số tiền 1.134.080.000 đồng. Bà L đã trả dần số nợ và hiện tại còn nợ bà P số tiền 1.027.000.000 đồng. Thời gian qua kinh tế khó khăn nên bà L chưa trả được số tiền trên. Nay, bà L chấp nhận có nợ bà P số tiền là 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn) và đề nghị được trả dần số tiền 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết nợ chứ bà L không có khả năng trả một lần. Ngoài ra, bà L trình bày, thu nhập bà L có được từ việc mua bán trên thì bà L dùng để bỏ hụi và lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, ông H có phụ tiền lương ít nhiều vào thêm hàng tháng.

- Theo bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Quang H trình bày như sau: Việc nội dung mua bán và nợ nần giữa bà P và bà L thì ông H không tham gia và không hay biết, cho đến khi bà P ra nhà báo tin vào khoảng thời gian cuối năm 2024 ông H mới biết. Theo yêu cầu của bà P yêu cầu vợ chồng ông H trả một lần số tiền 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn) thì ông H đồng ý trả nợ cùng với bà L, nhưng vì kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và khi có khả năng sẽ trả nhiều hơn. Ông H cũng thừa nhận thu nhập bà L có được trong việc mua bán cũng nhằm mục đích lo chi phí sinh hoạt trong nhà, còn thiếu bao nhiêu thì tiền lương của ông H phụ vào.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H liên đới chịu trách nhiệm trả một lần cho bà P số tiền 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn), bà P không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét; về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H chịu trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Việc bà Trần Thị P khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H yêu cầu thanh toán tiền còn nợ do mua bán tài sản vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H có nơi cư trú tại: Khu phố D, phường B, tỉnh Gia Lai nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị P khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền còn nợ 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn). Thấy rằng, bà L thừa nhận có làm ăn mua bán với bà Trần Thị P và còn nợ lại số tiền 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn) như và P trình bày là đúng.

[2.1] Xét các giấy ghi nội dung nhận nợ giữa bà P và bà L thấy rằng: Bà L có ghi tên để xác nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà P. Tại phiên tòa, bà L thừa nhận đến ngày 14/01/2025 bà còn nợ của bà Trần Thị P số tiền 1.134.080.000 đồng. Bà L đã trả dần số nợ và hiện tại còn nợ bà P số tiền 1.027.000.000 đồng. Điều này cho thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa bà P và bà L là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Việc mua bán giữa bà P và bà L được ông H thừa nhận và thu nhập có được từ việc mua bán trên mục đích là để lo cho việc buôn bán và lo chi phí sinh hoạt trong nhà, trang trải cuộc sống hàng ngày của gia đình. Đây là những nhu cầu thiết yếu của gia đình được quy định tại các Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, ông H đồng ý cùng với bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền nợ nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L ông H không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P. Do đó, việc bà P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L ông H phải trả cho bà P số tiền nợ còn lại là 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn), không yêu cầu trả lãi suất là phù hợp theo quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bị đơn đề nghị xin được trả dần số nợ trên mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng không được bà P đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P được Tòa án chấp nhận nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H phải chịu án phí là 42.810.000 đồng (mức thu án phí: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng) theo quy

định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L ông Trần Quang H liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền 1.027.000.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn). Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Vợ chồng bà L ông H phải nộp số tiền án phí là 42.810.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi hai triệu tám trăm mười nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2.2 Hoàn trả cho bà Trần Thị P số tiền 23.011.200 đồng (bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm mười một nghìn hai trăm đồng) bà P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003049 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Gia Lai).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên